

Số: /2024/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO 2

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định giá tính thuế tài nguyên áp dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 ngày tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20 ngày 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng Quy định giá tính thuế tài nguyên áp dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, cụ thể:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:

“Điều 2. Giá tính thuế tài nguyên

1. Nhóm, loại tài nguyên đối với khoáng sản không kim loại: Sửa đổi, bổ sung một số sản phẩm tài nguyên theo chi tiết tại Phụ lục I đính kèm.”

2. Các nội dung còn lại áp dụng theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng Quy định giá tính thuế tài nguyên áp dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng... năm 2024.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử;
- HTĐT: sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

PHỤ LỤC I
GIÁ TÍNH THUẾ TÀI NGUYÊN
ĐỐI VỚI KHOÁNG SẢN KHÔNG KIM LOẠI

(Ban hành kèm theo Quyết định số...../2024/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm
2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

ĐỐI VỚI KHOÁNG SẢN KHÔNG KIM LOẠI						Tên nhóm, loại tài nguyên /Sản phẩm tài nguyên	Đơn vị tính	Giá tính thuế tài nguyên (Đồng)
Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6			
II						Khoáng sản không kim loại		
	II1					Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình		
		II101				Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	70.000
		II102				Bùn	m ³	45.000
	II5					Cát		
		II501				Cát san lấp (bao gồm cả cát nhiễm mặn)	m ³	120.000
		II502				<i>Cát xây dựng</i>		
			II50201			Cát đen dùng trong xây dựng	m ³	120.000

* Giá trên là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.